

**DANH MỤC CHUẨN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP,  
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**PHẦN I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CHUNG (TỈNH,  
HUYỆN, XÃ): 08 TTHC**

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có)                                    | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|--|---|---|--|
| I   | <b>Lĩnh vực Hộ tịch: 01 TTHC (Thủ tục hành chính thực hiện tại cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch)</b> |  |   |   |  |
| 1   | Cấp bản sao trích lục hộ tịch   | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch có thẩm quyền               | 8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký | - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch<br>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính |

| STT       | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC          | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý   |
|-----------|--|--|--|---|--|
|           |  |  |  |   | <p>quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực chứng thực (07 TTHC)</b>   |  |  |   |  |
| 1         | Chứng thực bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận | Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã, cấp huyện; Tổ chức hành nghề công | 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu | <p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP</p>  |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---------------------------------|--|---|---|---|
|     |                                 | <p>từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ,</p> | <p>chứng</p>  | <p>không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.</p> | <p>ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động</p> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC        | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|---|--|---|--|
|     |   | ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.   |  |   | Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.  |
| 02  | Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận | Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; Tổ chức hành nghề công chứng | 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính | + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;<br>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;<br>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC              | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|--|--|---|--|
|     |  | hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực. |  |   | dụng phí chứng thực;<br>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên. |
| 03  | Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể điểm chỉ ký, không thể điểm chỉ | Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận   | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp xã, cấp huyện; Tổ chức hành nghề công | 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một | + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.<br>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---------------------------------|--|---|----------------------|---|
|     | được)                           | hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực. | chứng   | giấy tờ, văn bản)    | <p><i>Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</i></p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp</p> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                                      | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC              | Phí, lệ phí (nếu có)            | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|--|--|---------------------------------|--|
|     |  |  |  |                                 | thẻ công chứng viên.   |
| 04  | Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch | Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp xã, cấp huyện; Tổ chức hành nghề công | 30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch | <p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC              | Phí, lệ phí (nếu có)             | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|---|--|----------------------------------|--|
| 05  | Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch | <p>Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p> | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp xã, cấp huyện; Tổ chức hành nghề công | 25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch. | <p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p> |



| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC              | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|--|--|--|---|
| 06  | Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực | Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp xã, cấp huyện; Tổ chức hành nghề công | 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính. | + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;<br>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;<br>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính |
| 07  | Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc   | - Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc   | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của   | Không  | Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, ngày 16/02/2015 của Chính phủ.  |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|--|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.<br>- Trường hợp gửi qua đường bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến. | cấp xã, cấp huyện; Cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc           |                      |                |

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 137 TTHC**

| STT      | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính             | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|----------|---|---|--|----------------------|--|
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực thừa phát lại (13 TTHC)</b>     |   |  |                      |  |
| 01       | Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại      | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không                | <p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.</p> |
| 02       | Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường                           | Không                | <p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện</p>   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính            | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|--|----------------------|---|
|     |  |  | bưu chính hoặc trực tuyến  |                      | <i>pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thửa phát lại.</i>  |
| 03  | Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thửa phát lại | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ          | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thửa phát lại;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thửa phát lại.</li> </ul> |
| 04  | Cấp lại Thẻ Thửa phát lại                  | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường                           | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thửa phát lại;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện</li> </ul>   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|-----------------------------------|--|--|----------------------|---|
|     |                                   |  | bưu chính hoặc trực tuyến  |                      | <i>pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.</i>  |
| 05  | Thành lập Văn phòng Thừa phát lại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại;</li> <li>- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn</li> </ul> | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | 1.000.000đ/hồ sơ     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;</li> <li>- Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thừa phát lại; phí thẩm định điều kiện thành lập, hoạt động Văn phòng Thừa phát</li> </ul> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                                 | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|--|--|----------------------|--|
|     |   | phòng Thừa phát lại.   |  |                      | lại.   |
| 06  | Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại                       | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không                | <p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.</p> |
| 07  | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại | - Đối với trường hợp thay đổi Trưởng Văn phòng thì thời hạn cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Thừa phát lại là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực       | Không                | <p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của</p>  |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                        | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|---|--|----------------------|--|
|     |  | <p>hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với các trường hợp thay đổi khác thì thời hạn cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Thừa phát lại là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>                      | tuyển  |                      | <i>Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.</i>  |
| 08  | Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại | <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi loại hình hoạt động của Văn</p> | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến |                      | <p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.</p> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|---|---|----------------------|---|
|     |   | <p>phòng Thừa phát lại.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi loại hình hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại.</p> |   |                      |   |
| 09  | <p>Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại</p> | <p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>   | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến</p> | <p>Không</p>         | <p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động</p> |



| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính            | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|--|----------------------|---|
|     |  |   |  |                      | <i>của Thừa phát lại.</i>   |
| 10  | Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại;</li> <li>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại.</li> </ul> | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;</li> <li>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.</li> </ul> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|---|--|----------------------|--|
| 11  | Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không                | <p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.</p> |
| 12  | Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại   | <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày</p> | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không                | <p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.</p> |

| STT       | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----------|---|--|--|----------------------|--|
|           |   | nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng. |  |                      |  |
| 13        | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ   | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không                | <p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.</p> |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực Hòa giải thương mại (09 TTHC)</b>                                     |  |  |                      |  |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|--|---|----------------------|---|
| 01  | Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc  | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua đường bưu chính             | Không quy định       | <p>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.</p> <p>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại.</p> |
| 02  | Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản        | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không quy định       | <p>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.</p> <p>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại.</p> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|---|---|----------------------|---|
|     | phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác   |   |   |                      |   |
| 03  | Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Trung tâm | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không quy định       | - Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.  |
| 04  | Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại                   | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.                  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực       | Không quy định       | - Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.<br>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|---|---|----------------------|--|
|     |   |   | tuyển   |                      | <i>hòa giải thương mại.</i>  |
| 05  | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị.   | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không quy định       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại.</li> </ul> |
| 06  | Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động   | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực. | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không quy định       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại.</li> </ul> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|--|---|----------------------|--|
| 07  | Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.                             | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không quy định       | <p>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.</p> <p>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại</p> |
| 08  | Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại   | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Chi nhánh. | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố   | Không quy định       | <p>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.</p>  |

| STT        | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|------------|--|---|---|----------------------|---|
|            | nước ngoài tại Việt Nam  |   | Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến   |                      |   |
| 09         | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận báo cáo của chi nhánh. | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua đường bưu chính | Không quy định       | <p>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.</p> <p>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại.</p> |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực trọng tài thương mại (06 TTHC)</b>   |   |   |                      |   |



| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                                       | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|---|---|---|--|
| 01  | Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | <b>Phí thẩm định:</b> 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). | <p>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12;</p> <p>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại;</p> <p>- Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại;</p> <p>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại;</p> <p>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí</p> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|--|---|--|--|
|     |   |  |   |  | <i>thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực hoạt động trọng tài thương mại.</i>  |
| 02  | Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác | Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | <b>Phí thẩm định:</b><br>1.000.000 đồng<br>(Một triệu đồng). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12;</li> <li>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại;</li> <li>- Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại;</li> <li>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp ban hành</li> </ul> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết             | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---------------------------------|---|---|---|
|     |  |                                 |   |   | <p>một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại;</p> <p>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực hoạt động trọng tài thương mại.</p>  |
| 03  | Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam | Trong thời hạn 15 ngày làm việc | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | <p><b>Phí thẩm định:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài;</li> <li>- 3.000.000 đồng (Ba triệu</li> </ul> | <p>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12;</p> <p>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại.</p> <p>- Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của</p> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết             | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|---------------------------------|---|--|---|
|     |   |                                 |   | <p>đồng) đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.</p> | <p><i>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại;</i></p> <p>- <i>Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại.</i></p> <p>- <i>Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực hoạt động trọng tài thương mại.</i></p> |
| 04  | Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi | Trong thời hạn 07 ngày làm việc | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường | <b>Lệ phí:</b><br>500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)   | <p>- <i>Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12;</i></p> <p>- <i>Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều</i></p>  |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|--|---|---|--|
|     | tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương  |  | bưu chính hoặc trực tuyến   |   | <p><i>của Luật trọng tài thương mại.</i></p> <p>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại.</p> <p>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực hoạt động trọng tài thương mại.</p> <p>-</p> |
| 05  | Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong | Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực | <b>Phí thẩm định:</b><br>5.000.000 đồng<br>(Năm triệu đồng) | <p>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12;</p> <p>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại;</p> <p>- Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày</p>  |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC                             | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|---|--|---|
|     | trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác                                   |   | tuyên   |  | <p>19/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại;</p> <p>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại;</p> <p>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực hoạt động trọng tài thương mại</p> |
| 06  | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại | Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố | <b>Phí thẩm định:</b><br>- Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài: | <p>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12;</p> <p>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ Quy định chi</p>   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---------------------------------|---------------------|---|--|--|
|     | tài nước ngoài tại Việt Nam     |                     | Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến       | <p>1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).</p> <p>- Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm trọng tài: 1.000.000 (một triệu đồng).</p> <p>- Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam: 5.000.000 (năm triệu đồng).</p> | <p><i>tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.</i></p> <p><i>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại.</i></p> <p><i>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực hoạt động trọng tài thương mại.</i></p> |

| STT       | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính      | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----------|--------------------------------------|--|--|----------------------|---|
| <b>IV</b> | <b>Lĩnh vực công chứng (38 TTHC)</b> |  |  |                      |   |
| 01        | Thành lập Hội công chứng viên        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Đề án thành lập Hội công chứng viên, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định Đề án, trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập Hội công chứng viên;</li> <li>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND tỉnh ra Quyết định cho phép thành lập Hội công chứng viên; trường hợp từ chối thì phải</li> </ul> | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật công chứng số 53/2014/QH13;</li> <li>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ</li> </ul> |



| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính    | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|------------------------------------|--|--|----------------------|--|
|     |                                    | thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.  |  |                      |  |
| 02  | Chuyển nhượng Văn phòng công chứng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của Hội công chứng viên (nếu đã thành lập), trình UBND tỉnh;</li> <li>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải</li> </ul> | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật công chứng số 53/2014/QH13;</li> <li>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp</li> </ul> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|--|--|----------------------|---|
|     |   | thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.  |  |                      |   |
| 03  | Thủ tục thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. | <p>- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ra quyết định về việc thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng.</p> <p>- 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định về việc thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng. Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi quyết định cho tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự đã tập sự, tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự xin</p> | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. | Không                | - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp. |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|--|----------------------|---|
|     |  | chuyển đến.   |  |                      |   |
| 04  | Thủ tục thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác. | <p>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Sở Tư pháp nơi người tập sự chuyển đến ra quyết định về việc đăng ký tập sự hành nghề công chứng và ghi tên người đăng ký tập sự vào Danh sách người tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp</p> <p>- 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định về việc đăng ký tập sự hành nghề công chứng, Sở Tư</p> | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. | Không                | - <i>Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp</i> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính       | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---------------------------------------|--|--|----------------------|---|
|     |                                       | pháp gửi quyết định cho tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, đăng tải Danh sách người tập sự trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp, đồng thời gửi Danh sách đó cho Bộ Tư pháp để lập Danh sách người tập sự trong toàn quốc. |  |                      |   |
| 05  | Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng | Không quy định   | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không quy định       | <i>Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp</i> |
| 06  | Công chứng văn bản từ                 | không quá 02 ngày  | Tổ chức hành nghề  | 20.000 đồng          | <i>- Luật công chứng số 53/2014/QH13;</i>                       |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính           | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có)                               | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|---|---|--|---|
|     | chối nhận di sản                          | làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc.                   | công chứng  | đồng   | - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.                                       |
| 07  | Công chứng hợp đồng ủy quyền              | không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc. | Tổ chức hành nghề công chứng                                      | 50.000 đồng  | - Luật công chứng số 53/2014/QH13;<br>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. |
| 08  | Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản | không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp  | Tổ chức hành nghề công chứng                                      | Theo quy định tại Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày | - Luật công chứng số 53/2014/QH13;<br>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính     | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  |
|-----|-------------------------------------|---|---|--|---|
|     |                                     | thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc.  |   | 11/11/2016 của Bộ Tài chính  |   |
| 09  | Nhận lưu giữ di chúc                | Không   | Tổ chức hành nghề công chứng                                      | 100.000 đồng   | - Luật công chứng số 53/2014/QH13;<br>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. |
| 10  | Công chứng văn bản khai nhận di sản | không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc. | Tổ chức hành nghề công chứng                                      | Theo quy định tại Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính | - Luật công chứng số 53/2014/QH13;<br>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. |
| 11  | Công chứng văn bản thỏa             | không quá 02 ngày làm việc; đối với   | Tổ chức hành nghề   | Theo quy định tại Thông tư số  | - Luật công chứng số 53/2014/QH13;  |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---------------------------------|---|---|---|---|
|     | thuận phân chia di sản          | hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc.                                     | công chứng  | 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính                      | - <i>Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</i>  |
| 12  | Công chứng di chúc              | không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc. | Tổ chức hành nghề công chứng                                      | 50.000 đồng   | - <i>Luật công chứng số 53/2014/QH13;</i><br>- <i>Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</i> |
| 13  | Cấp bản sao văn bản công chứng  | Không quy định  | Tổ chức hành nghề công chứng                                      | 05 nghìn đồng/trang, từ trang thứ ba (3) trở lên thì mỗi trang thu 03 | - <i>Luật công chứng số 53/2014/QH13;</i><br>- <i>Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</i> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                              | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|---|--|---|
|     |  |   |   | nghìn đồng nhưng tối đa không quá 100 nghìn đồng/bản.                          |   |
| 14  | Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch | không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc. | Tổ chức hành nghề công chứng                                      | Theo quy định tại Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính | - Luật công chứng số 53/2014/QH13;<br>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. |
| 15  | Công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn                 | không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm       | Tổ chức hành nghề công chứng                                      | Theo quy định tại Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính | - Luật công chứng số 53/2014/QH13;<br>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. |



| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|--|----------------------|---|
|     |  | việc.   |  |                      |   |
| 16  | Thủ tục chấm dứt tập sự hành nghề công chứng   | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức hành nghề công chứng, Sở Tư pháp ra quyết định chấm dứt tập sự, đồng thời xóa tên người tập sự khỏi Danh sách người tập sự của Sở Tư pháp. | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. | Không                | <i>Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp</i> |
| 17  | Thủ tục đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng | - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ra quyết định về việc đăng ký lại tập sự hành nghề công chứng và ghi tên người đăng ký tập sự vào Danh                                 | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. | Không                |   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|--|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>sách người tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp</p> <p>- 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định về việc đăng ký tập sự hành nghề công chứng, Sở Tư pháp gửi quyết định cho tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, đăng tải Danh sách người tập sự trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp, đồng thời gửi Danh sách đó cho Bộ Tư pháp để lập Danh sách người tập sự trong toàn quốc.</p> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                              | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|--|--|----------------------|--|
| 18  | Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự                    | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. | Không                | <i>Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp</i>  |
| 19  | Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng | 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ   | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính.             | 3.500.000 đồng       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật công chứng số 53/2014/QH13;</li> <li>- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul> |
| 20  | Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên                 | Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ   | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng  | 100.000 đồng         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật công chứng số 53/2014/QH13;</li> <li>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp;</li> </ul>  |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính            | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|--|----------------------|---|
|     |  | hợp lệ.  | Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến.   |                      | - <i>Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</i>  |
| 21  | Cấp lại Thẻ công chứng viên                | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. | 100.000 đồng         | - <i>Luật công chứng số 53/2014/QH13;</i><br>- <i>Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp;</i><br>- <i>Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</i> |
| 22  | Đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng | Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống                            | 1.000.000 đồng       | - <i>Luật công chứng số 53/2014/QH13;</i><br>- <i>Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp;</i><br>- <i>Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</i> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                              | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|--|--|----------------------|--|
|     |  |  | bưu chính hoặc trực tuyến.   |                      |  |
| 23  | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng | Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ         | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính.             | 500.000 đồng         | - Luật công chứng số 53/2014/QH13;<br>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.   |
| 24  | Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất              | Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. | 1.000.000 đồng       | - Luật công chứng số 53/2014/QH13;<br>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. |
| 25  | Thay đổi nội dung đăng ký                                    | Trong thời hạn 07  | Trực tiếp tại Trung  | 1.000.000 đồng       | - Luật công chứng số 53/2014/QH13;   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|---|--|----------------------|--|
|     | hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập                            | ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                | tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến.                     |                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>   |
| 26  | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển nhượng | Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ              | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. | 500.000 đồng         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật công chứng số 53/2014/QH13;</li> <li>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul> |
| 27  | Thủ tục đăng ký tập sự hành nghề công chứng                                 | - 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Sở Tư pháp ra quyết định | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng  | Không                | Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC                | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                     |
|-----|---------------------------------|---|--|----------------------|------------------------------------|
|     |                                 | <p>về việc đăng ký tập sự hành nghề công chứng.</p> <p>- 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định về việc đăng ký tập sự hành nghề công chứng. Sở Tư pháp gửi quyết định cho tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự, đăng tải danh sách người tập sự trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp, đồng thời gửi Danh sách đó cho Bộ Tư pháp để lập Danh sách người tập sự trong toàn quốc.</p> | Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. |                      |                                    |
| 28  | Thành lập Văn phòng             | Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày   | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành   | Không                | - Luật công chứng số 53/2014/QH13; |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                            | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|--|--|----------------------|--|
|     | công chứng   | nhận đủ hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. | chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến.                          |                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp</li> </ul>   |
| 29  | Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng | Không quy định   | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật công chứng số 53/2014/QH13;</li> <li>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp</li> </ul> |
| 30  | Sáp nhập Văn phòng công                                    | - Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày   | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành   | Không                | - Luật công chứng số 53/2014/QH13;   |



| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---------------------------------|---|---|----------------------|---|
|     | chứng                           | <p>nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của Hội công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình UBND cấp tỉnh;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> | chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. |                      | <p>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp</p> |
| 31  | Bổ nhiệm công chứng viên        | - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Tư pháp có văn bản  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon  | Không                | <p>- Luật công chứng số 53/2014/QH13;</p> <p>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày</p>  |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC                       | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---------------------------------|--|---|----------------------|--|
|     |                                 | <p>đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên của Sở Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối bổ nhiệm phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, gửi cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm</p> | Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. |                      | <p>15/3/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp.</p> |
| 32  | Bổ nhiệm lại công chứng         | - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành  | 500.000 đồng         | - Luật công chứng số 53/2014/QH13;   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---------------------------------|---|--|----------------------|--|
|     | viên                            | <p>Tư pháp có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên của Sở Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên; trường hợp từ chối bổ nhiệm lại phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, gửi cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm lại.</p> | <p>chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính.</p> |                      | <p>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính</p> |
| 33  | Chấm dứt hoạt động Văn          | <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ</p>  | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành</p>  | <p>Không</p>         | <p>- Luật công chứng số 53/2014/QH13;</p>  |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---------------------------------|---|---|----------------------|--|
|     | phòng công chứng                | <p>ngày UBND tỉnh có quyết định thu hồi quyết định cho phép thành lập, Sở Tư pháp có trách nhiệm thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng;</p> <p>- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày bị thu hồi quyết định cho phép thành lập, Văn phòng công chứng có nghĩa vụ nộp đủ số thuế còn nợ, thanh toán xong các khoản nợ khác, làm thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đã ký với công chứng viên, nhân viên của tổ chức</p> | chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. |                      | <p>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp.</p> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---------------------------------|---|---|----------------------|--|
|     |                                 | <p>mình; đối với yêu cầu công chứng đã tiếp nhận mà chưa công chứng thì phải trả lại hồ sơ yêu cầu công chứng cho người yêu cầu công chứng.</p>   |   |                      |  |
| 34  | Miễn nhiệm công chứng viên      | <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị kèm theo đơn của công chứng viên gửi Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Sở Tư pháp, Bộ trưởng Bộ</p> | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính.</p> | Không                | <p>- Luật công chứng số 53/2014/QH13;<br/> - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;<br/> - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp.</p> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|--|---|----------------------|--|
|     |   | <p>Tư pháp xem xét, quyết định việc miễn nhiệm công chứng viên. Trường hợp từ chối, thì thông báo bằng văn bản, có nêu rõ lý do.</p>   |   |                      |  |
| 35  | <p>Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập</p> | <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình UBND tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, UBND tỉnh ra quyết định cho phép chuyển đổi hoặc có văn bản thông báo việc từ chối cho</p> | <p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến.</p> | <p>Không</p>         | <p>- Luật công chứng số 53/2014/QH13;<br/> - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;<br/> - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp.</p> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|--|----------------------|---|
|     |  | phép chuyển đổi.  |  |                      |   |
| 36  | Xóa đăng ký hành nghề công chứng   | Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không                | - Luật công chứng số 53/2014/QH13;<br>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp. |
| 37  | Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự) | Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không                | - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp.   |
| 38  | Hợp nhất Văn phòng công chứng  | - Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                       | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon   | Không                | - Luật công chứng số 53/2014/QH13;<br>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày   |

| STT      | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính             | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC                                   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|----------|---|---|---|----------------------|---|
|          |   | <p>theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Tư pháp lấy ý kiến của Hội công chứng viên (nếu đã thành lập), trình UBND cấp tỉnh;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> | Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. |                      | <p><i>15/3/2015 của Chính phủ</i></p> <p><i>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp.</i></p> |
| <b>V</b> | <b>Lĩnh vực Giám định tư pháp (11 TTHC)</b> |   |   |                      |   |



| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|-----------------------------------|--|--|----------------------|--|
| 01  | Bỏ nhiệm giám định viên tư pháp   | Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp. Trường hợp từ chối thì phải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giám định tư pháp năm 2012;</li> <li>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020.</li> </ul> |
| 02  | Miễn nhiệm giám định viên tư pháp | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp và điều chỉnh danh sách giám định  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giám định tư pháp năm 2012;</li> <li>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020.</li> </ul> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                                      | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|---|--|----------------------|--|
|     |  | viên tư pháp trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để điều chỉnh danh sách chung về giám định viên tư pháp. |  |                      |  |
| 03  | Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp | 45 ngày   | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giám định tư pháp năm 2012;</li> <li>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.</li> </ul> |
| 04  | Chuyển đổi loại hình Văn   | 17 ngày   | Trực tiếp tại Trung  | Không                | - Luật Giám định tư pháp năm 2012;   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|---------------------|--|----------------------|--|
|     | phòng giám định tư pháp   |                     | tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính.                     |                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.</li> </ul>   |
| 05  | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất | 05 ngày làm việc.   | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giám định tư pháp năm 2012;</li> <li>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.</li> </ul> |
| 06  | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám   | 05 ngày làm việc.   | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành   | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giám định tư pháp năm 2012;</li> </ul>   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|---------------------|--|----------------------|--|
|     | định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng                                   |                     | chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính.                                      |                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.</li> </ul>   |
| 07  | Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trường hợp Văn phòng giám định tư pháp chấm dứt hoạt động do bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động | 07 ngày làm việc    | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giám định tư pháp năm 2012;</li> <li>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.</li> </ul> |
| 08  | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy   | 05 ngày làm việc    | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành   | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giám định tư pháp năm 2012;</li> </ul>   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                   | Thời hạn giải quyết                      | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|--|--|----------------------|--|
|     | đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp |  | chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính.                                      |                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.</li> </ul>   |
| 09  | Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp    | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giám định tư pháp năm 2012;</li> <li>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.</li> </ul> |
| 10  | Đăng ký hoạt động văn                             | 30 ngày, kể từ ngày                      | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành   | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giám định tư pháp năm 2012;</li> </ul>   |

| STT       | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                      | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----------|---|--|--|----------------------|--|
|           | phòng giám định tư pháp   | nhận đủ hồ sơ hợp lệ                     | chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính.                                      |                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.</li> </ul>   |
| 11        | Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trường hợp Văn phòng giám định tư pháp tự chấm dứt hoạt động | 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giám định tư pháp năm 2012;</li> <li>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.</li> </ul> |
| <b>VI</b> | <b>Lĩnh vực Luật sư (14 TTHC)</b>   |  |  |                      |  |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                                   | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|--|--|----------------------|--|
| 01  | Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư                   | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | 50.000               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006;</li> <li>- Luật luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;</li> </ul> |
| 02  | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư | Không quy định                                   | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực       | 50.000               |  |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                             | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|---|--|----------------------|--|
|     |   |   | tuyển  |                      |  |
| 03  | Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên | 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | 50.000               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006;</li> <li>- Luật luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp.</li> </ul> |
| 04  | Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên,           | 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng  | 50.000               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006;</li> <li>- Luật luật sư số 20/2012/QH13 ngày</li> </ul>  |



| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                               | Thời hạn giải quyết                             | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|---|--|----------------------|--|
|     | công ty luật hợp danh   |   | Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến   |                      | 20/11/2012;<br>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; |
| 05  | Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư | 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | 50.000               |  |
| 06  | Đăng ký hành nghề luật sư                                     | 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ           | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành   | Không quy định       | Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày  |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|--|--|----------------------|---|
|     | với tư cách cá nhân   | sơ hợp lệ  | chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến                                      |                      | 29/6/2006<br>- Luật luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012.<br>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp.  |
| 07  | Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài                        | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | 2.000.000            | - Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006;<br>- Luật luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;<br>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính |
| 08  | Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài | 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố   | 1.000.000            | - Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006;<br>- Luật luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012.   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---------------------------------|--|--|----------------------|---|
|     |                                 |  | Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến  |                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính</li> </ul>  |
| 09  | Hợp nhất công ty luật           | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không quy định       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006;</li> <li>- Luật luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.</li> </ul> |
| 10  | Sáp nhập công ty luật           | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố   | Không quy định       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006;</li> <li>- Luật luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày</li> </ul>   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                             | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|---|--|----------------------|---|
|     |   |   | Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến  |                      | <i>14/10/2013 của Chính phủ;</i><br><i>- Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.</i>   |
| 11  | Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật | 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính.         | Không quy định       |   |
| 12  | Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài                                     | 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | 50.000               | - <i>Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006;</i><br>- <i>Luật luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</i><br>- <i>Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ;</i><br>- <i>Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ;</i> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|--|--|----------------------|--|
|     |  |  |  |                      | - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.  |
| 13  | Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam | 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | 600.000              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006;</li> <li>- Luật luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul> |
| 14  | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài    | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố   | 2.000.000            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006;</li> <li>- Luật luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;</li> <li>- Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày</li> </ul>   |

| STT        | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                                | Thời hạn giải quyết                             | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|------------|--|---|--|----------------------|---|
|            |  |   | Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến  |                      | 14/10/2011;<br>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.   |
| <b>VII</b> | <b>Lĩnh vực tư vấn pháp luật (06 TTHC)</b>                     |   |  |                      |   |
| 01         | Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật               | 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không quy định       | - Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp. |
| 02         | Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật | 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố   | Không quy định       |   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                             | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|---|--|----------------------|----------------|
|     |   |   | Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính.  |                      |                |
| 03  | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh | 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính.         | Không quy định       |                |
| 04  | Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật   | 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không quy định       |                |

| STT  | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                             | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|--|-----------------------------------|---|--|----------------------|---|
| 05   | Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật | 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính.         | Không quy định       | - Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp. |
| 06   | Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật | 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không quy định       | - Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp.  |
| <b>VIII Lĩnh vực đấu giá tài sản (09 TTHC)</b> |                                   |   |  |                      |   |
| 01   | Cấp Thẻ đấu giá viên              | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ         | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành   | Không quy định       | - Luật đấu giá tài sản 2016;<br>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày   |



| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                    | Thời hạn giải quyết                               | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|---|--|----------------------|--|
|     |  | sơ hợp lệ.  | chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến                                      |                      | 16/5/2017 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/05/2017 của Bộ Tư pháp.   |
| 02  | Cấp lại Thẻ đấu giá viên                           | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không quy định       | - Luật đấu giá tài sản 2016;<br>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/05/2017 của Bộ Tư pháp. |
| 03  | Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố   | 1.000.000            | - Luật Đấu giá tài sản 2016;<br>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày                            |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                                      | Thời hạn giải quyết                                | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|--|--|----------------------|--|
|     |  |  | Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến  |                      | 16/5/2017 của Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính.   |
| 04  | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản | 05 ngày làm việc, kể từ lúc nhận đủ hồ sơ hợp lệ   | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | 500.000              | - Luật Đấu giá tài sản 2016;<br>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính. |
| 05  | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản      | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực       | 500.000              | - Luật Đấu giá tài sản 2016;<br>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính. |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                               | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|---|--|----------------------|---|
|     |   |   | tuyên  |                      |   |
| 06  | Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản  | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không quy định       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu giá tài sản 2016;</li> <li>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp;</li> </ul> |
| 07  | Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến | 90 ngày kể từ ngày Sở Tư pháp nhận được Đề án thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến của tổ chức đấu giá tài sản. | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không quy định       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu giá tài sản 2016;</li> <li>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ.</li> </ul>  |
| 08  | Đăng ký tham dự kiểm tra                                      | 07 ngày làm việc kể   | Trực tiếp tại Trung  | 2.700.000            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu giá tài sản 2016;</li> </ul>  |

| STT       | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết                                | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----------|--|--|--|----------------------|---|
|           | kết quả tập sự hành nghề đấu giá   | từ ngày nhận đủ hồ sơ                              | tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến             |                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/05/2017 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính.</li> </ul> |
| 09        | Đăng ký danh sách đấu giá viên, thay đổi, bổ sung danh sách đấu giá viên       | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu giá tài sản năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu giá tài sản</li> </ul>                              |
| <b>IX</b> | <b>Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản (05 TTHC)</b> |  |  |                      |   |
| 01        | Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân                | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon   | 500.000              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phá sản ngày 19/6/2014.</li> <li>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định</li> </ul>   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                               | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|---|---|----------------------|---|
|     |   |   | Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến.   |                      | <p><i>chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.</i></p> <p><i>-Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, hoạt động quản lý, thanh lý tài sản; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên.</i></p> |
| 02  | Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến | Không quy định       | <p><i>- Luật Phá sản ngày 19/6/2014.</i></p> <p><i>-Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.</i></p>   |
| 03  | Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với   | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ           | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành  | 500.000              | <p><i>- Luật Phá sản ngày 19/6/2014.</i></p>  |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                        | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|---|----------------------|---|
|     | doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản                 | sơ hợp lệ  | chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến                                      |                      | <p>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.</p> <p>- Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, hoạt động quản lý, thanh lý tài sản; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên</p> |
| 04  | Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Quản tài viên | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến | Không quy định       | <p>- Luật Phá sản ngày 19/6/2014.</p> <p>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.</p>  |

| STT      | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|----------|---|---|---|----------------------|---|
| 05       | Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của doanh nghiệp | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến | Không quy định       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phá sản ngày 19/6/2014.</li> <li>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.</li> </ul> |
| <b>X</b> | <b>Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý (10 TTHC)</b>                                      |   |   |                      |   |
| 01       | Thủ tục Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý                                       | 05 ngày làm việc  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến    | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>                                       |
| 02       | Thủ tục Cấp thẻ cộng tác  | 10 ngày làm việc kể   | Trực tiếp tại Trung   | Không                | - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                                  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|--|----------------------|---|
|     | viên trợ giúp pháp lý  | từ ngày nhận được đơn đề nghị của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý | tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến                     |                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp</li> </ul>  |
| 03  | Thủ tục Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý | 04 ngày làm việc  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp</li> </ul> |
| 04  | Thủ tục Chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý:                      | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ                          | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng  | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ</li> </ul>  |



| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|--|----------------------|---|
|     |  |  | Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính.   |                      | - <i>Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp</i>  |
| 05  | Thủ tục Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật. | <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá tổ chức phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 05 ngày làm việc.</p> <p>- Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các tổ chức đã nộp hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được</p> | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không                | <p>- <i>Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;</i></p> <p>- <i>Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp</i></p> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                        | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|---|--|----------------------|--|
|     |  | thông báo, tổ chức được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Sở Tư pháp.                     |  |                      |  |
| 06  | Thủ tục cấp lại thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý     | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp</li> </ul> |
| 07  | Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ                          | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;</li> <li>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp</li> </ul>   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                                      | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|---|---|----------------------|--|
|     |  |   | thông bưu chính.  |                      |  |
| 08  | Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với luật sư                            | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 05 ngày làm việc | Trực tiếp tại Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kon Tum (số 211 Trần Hưng Đạo - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không                | - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;<br>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp |
| 09  | Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý | Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.   | Trực tiếp tại Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kon Tum (số 211 Trần Hưng Đạo - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính. | Không                | - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;<br>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp |
| 10  | Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý                    | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ   | Trực tiếp tại Trung tâm trợ giúp pháp lý  | Không                | - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;<br>- Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày                                     |

| STT       | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết        | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có)    | Căn cứ pháp lý  |
|-----------|---|----------------------------|---|-------------------------|---|
|           |   | ngày nhận được đơn đề nghị | nhà nước tỉnh Kon Tum (số 211 Trần Hưng Đạo - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum) hoặc qua hệ thống bưu chính.  |                         | <i>28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp</i>   |
| <b>XI</b> | <b>Lĩnh vực Quốc tịch (05 TTHC)</b>     |                            |   |                         |   |
| 01        | Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam | 05 ngày                    | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến | 100.000 đồng/trường hợp | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</li> <li>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</li> <li>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và</li> </ul> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---------------------------------|---|---|--|--|
|     |                                 |   |   |  | <i>sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</i>   |
| 02  | Nhập Quốc tịch Việt Nam         | 115 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền) | Trực tiếp tại Sở Tư pháp (số 211 Trần Hưng Đạo - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí xin nhập Quốc tịch Việt Nam: 3.000.000 đồng/trường hợp.</li> <li>Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</li> <li>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</li> <li>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác</li> </ul> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---------------------------------|---------------------|---|--|---|
|     |                                 |                     |   | <p>là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc</p> | <p><i>nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</i></p> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|--|---|---|--|
|     |   |  |   | biệt đó).<br>+ Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.   |  |
| 3   | Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước | 85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền) | Trực tiếp tại Sở Tư pháp (số 211 Trần Hưng Đạo - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. | 2.500.000 đồng.<br>Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:<br>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng | <i>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</i><br><i>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</i><br><i>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</i><br><i>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định</i> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---------------------------------|---------------------|---|---|--|
|     |                                 |                     |   | <p>Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</p> <p>+ Người mất</p> | <p><i>mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</i></p> |



| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính      | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--------------------------------------|--|---|--|---|
|     |                                      |  |   | quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú. |   |
| 4   | Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước | 75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền) | Trực tiếp tại Sở Tư pháp (số 211 Trần Hưng Đạo - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến. | Lệ phí xin thôi quốc tịch Việt Nam. Mức thu: 2.500000 đồng/trường hợp            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</li> <li>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</li> <li>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác</li> </ul> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                      | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|--|---|--|--|
|     |  |  |   |  | nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.  |
| 5   | Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước | <p>Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 20 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam;</li> <li>- 55 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam.</li> </ul> | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến | <p>100.000 đồng;</p> <p>Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</li> <li>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</li> <li>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí</li> </ul> |

| STT        | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý  |
|------------|--|--|--|---|---|
|            |  |  |  | liên với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã.  | <i>quốc tịch.</i>   |
| <b>XII</b> | <b>Lĩnh vực lý lịch tư pháp (03 TTHC)</b>  |  |  |   |   |
| 1          | Yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam | Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp 200.000 đồng/lần/người.<br>Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, | - <i>Luật Lý lịch tư pháp năm 2009;</i><br>- <i>Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ;</i><br>- <i>Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/06/2011 của Bộ Tư pháp;</i><br>- <i>Thông tư số 244/2016/TT-BTC, ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</i><br>- <i>Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT BTP-TANDTC-BCA-VKSNDTC-BQP ngày 10/05/2012 của Bộ Tư pháp-Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Công an-Bộ Quốc</i> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---------------------------------|---|---|---|--|
|     |                                 | nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày |   | <p>mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ) là 100.000 đồng/lần/người.</p> <p>Trường hợp người được cấp Phiếu LLTP đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ phiếu số 3 trở đi cơ quan cấp phiếu LLTP thu thêm 5.000 đồng/phiếu, để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu</p> | <p>Phòng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Quyết định số 925/QĐ-BTP ngày 25/09/2014 của Bộ Tư pháp.</li> </ul> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|---|--|----------------------|---|
|     |   |   |  | Phiếu LLTP.          |   |
| 2   | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam) | <p>Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ.</p> <p>Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.</p> | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không                | <p><i>Luật Lý lịch tư pháp năm 2009;</i></p> <p><i>Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ;</i></p> <p><i>Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/06/2011 của Bộ Tư pháp;</i></p> <p><i>Thông tư số 244/2016/TT-BTC, ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</i></p> <p><i>Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-BCA-VKSNDTC-BQP ngày 10/05/2012 của Bộ Tư pháp-Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Công an-Bộ Quốc Phòng;</i></p> <p><i>Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ Tư pháp;</i></p> <p><i>Quyết định số 925/QĐ-BTP ngày 25/09/2014 của Bộ Tư pháp.</i></p> |

| STT         | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-------------|---|---|--|----------------------|---|
| 3           | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam) | Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày. | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum); qua đường bưu chính hoặc trực tuyến | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009;</li> <li>- Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/06/2011 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 244/2016/TT-BTC, ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT/BTP-TANDTC-BCA-VKSNDTC-BQP ngày 10/05/2012 của của Bộ Tư pháp Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Công an-Bộ Quốc Phòng;</li> <li>- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ Tư pháp;</li> <li>- Quyết định số 925/QĐ-BTP ngày 25/09/2014 của Bộ Tư pháp.</li> </ul> |
| <b>XIII</b> | <b>Lĩnh vực Bồi thường Nhà nước (03 TTHC)</b>   |   |  |                      |   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính        | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|---|----------------------|---|
| 1   | Xác định cơ quan giải quyết bồi thường | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua đường bưu chính  | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017;</li> <li>- Nghị định số <a href="#">68/2018/NĐ-CP</a> ngày 15/5/2018 của Chính phủ.</li> </ul>  |
| 2   | Phục hồi danh dự                       | 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự. | Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 ở cấp tỉnh | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017;</li> <li>- Nghị định số <a href="#">68/2018/NĐ-CP</a> ngày 15/5/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|--|----------------------|---|
| 3   | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | <p>- Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường.</p> <p>Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi</p> | Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 ở cấp tỉnh. | Không                | <p>- Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017;</p> <p>- Nghị định số <a href="#">68/2018/NĐ-CP</a> ngày 15/5/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số <a href="#">04/2018/TT-BTP</a> ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp</p> |



| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|---|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>thường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có thể yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi</p> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|--|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý.</p> <p>- Trong thời hạn 02</p> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|---|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi thường.</p> <p>- Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 của</p> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|---|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau:</p> <p>(1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi</p> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|--|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>thường; (2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường.</p> <p>Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn</p> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|---|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu</p> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|--|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>bồi thường nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày</p> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|--|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường.</p> |   |                      |                |



| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|---|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành.</p> <p>Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo</p> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|---|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng.</p> <p>Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết</p> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|---|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường</p> |   |                      |                |

| STT        | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý   |
|------------|---|---|--|---|--|
|            |   | trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.  |  |   |  |
| <b>XIV</b> | <b>Lĩnh vực nuôi con nuôi (05 TTHC)</b>   |   |  |   |  |
| 1          | Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> <li>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: Cơ sở nuôi dưỡng lập, chuyển Cơ quan chủ quản cho ý kiến, Cơ quan chủ quản của cơ sở nuôi dưỡng gửi Sở Tư pháp kèm theo văn bản cho ý kiến.</li> <li>- Hồ sơ của người nhận con nuôi: Nộp trực tiếp tại Cục Con nuôi hoặc gửi hồ sơ người nhận con</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>+) Lệ phí : 9.000.000 đồng/trường hợp</li> <li>Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính</li> </ul> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---------------------------------|--|---|---|---|
|     |                                 | <p>đôi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Thời gian cơ quan công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.</p> <p>Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được,</p> | <p>nuôi cho Cục Con nuôi qua bưu điện thông qua hình thức bảo đảm.</p> <p>Trường hợp nhận con nuôi không đích danh, thì người nhận con nuôi thường trú tại nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam nộp hồ sơ cho Cục Con nuôi thông qua tổ chức con nuôi của nước đó được cấp phép hoạt động tại Việt Nam; nếu nước đó không có tổ chức con nuôi được cấp</p> | <p>+) Chi phí: 50.000.000 đồng/trường hợp</p> <p>Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn nộp chi phí.</p> | <p>phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài,</p> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---------------------------------|---|---|----------------------|---|
|     |                                 | <p>thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của</p> | <p>phép hoạt động tại Việt Nam, thì người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Cục Con nuôi thông qua Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của nước đó tại Việt Nam.</p> |                      | <p>chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.</li> </ul> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|--|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>cha mẹ đẻ trẻ em).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.</li> <li>- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.</li> <li>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có</li> </ul> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|---|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28 và khoản 3 Điều 36 Luật nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo</p> |   |                      |                |



| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|--|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập</p> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|--|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá</p> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|---|--|---|
|     |  | 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.   |   |  |   |
| 2   | Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi | <p>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm</p> | <p>- Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: nộp tại Sở Tư pháp.</p> <p>- Hồ sơ của người nhận con nuôi: nộp tại Cục Con nuôi thông qua các hình thức: nộp hồ sơ trực tiếp tại Cục Con nuôi; ủy quyền bằng văn bản cho người có quan hệ họ hàng, thân thích thường trú tại Việt</p> | <p>+ Áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài: 4.500.000đ/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi.</p> <p>+ Trường hợp đồng thời nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con</p> | <p>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày</p> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---------------------------------|--|--|--|---|
|     |                                 | <p>con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước chưa có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam: Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp</p> | <p>Nam nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi hoặc nộp qua đường bưu điện theo hình thức bảo đảm cho Cục Con nuôi.</p> | <p>nuôi: được lựa chọn áp dụng mức giảm lệ phí như trên hoặc áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài từ trẻ em thứ hai trở đi được nhận làm con nuôi (mức lệ phí chưa giảm: 9.000.000 đồng/trường hợp).</p> | <p>28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.</p> |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|---|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>- Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Lahay 1993:</p> <p>+Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm</p> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|---|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em</p> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|---|---|----------------------|----------------|
|     |                                 | <p>được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong</p> |   |                      |                |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                     | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|--|--|----------------------|---|
|     |   | trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày. |  |                      |   |
| 3   | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.   | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua đường bưu chính | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày</li> </ul> |



| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC      | Phí, lệ phí (nếu có)             | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|---|--|----------------------------------|---|
|     |   |   |  |                                  | <p>8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam</p> |
| 4   | <p>Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi</p> | <p>- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay</p> | <p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp hoặc qua hệ thống bưu chính.</p> | <p>4.500.000 đồng/trường hợp</p> | <p>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng</p>  |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|---|----------------------|---|
|     |  | <p>đôi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> |   |                      | <p>Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam</p> |
| 5   | Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú | Không quy định  | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành                              | Không quy định       | <p>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP</p>   |

| STT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC                                       | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---------------------|---|----------------------|---|
|     | ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi |                     | chính công tỉnh Kon Tum (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) hoặc qua đường bưu chính |                      | ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;<br>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi |

### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN: 24 TTHC

| STT      | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|----------|--|---|---|----------------------|--|
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (02 TTHC)</b>  |   |   |                      |  |
| 1        | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | - Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông | Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 ở cấp huyện. | Không                | - Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017;<br>- Nghị định số <a href="#">68/2018/NĐ-CP</a> ngày 15/5/2018 của Chính phủ;<br>- Thông tư số <a href="#">04/2018/TT-BTP</a> ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp |

|  |  |   |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|
|  |  | <p>báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có thể yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung</p> |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p>hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|

|  |  |   |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|
|  |  | <p>thường.</p> <p>- Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có</p> |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p>trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường; (2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp không còn đủ dự</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|



|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p>toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường.</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|

|  |  |   |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|
|  |  | <p>Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ</p> |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p>sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|

|  |  |   |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|
|  |  | <p>phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành.</p> <p>Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Ngay sau khi có biên bản kết quả</p> |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p>thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng.</p> <p>Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|

|           |                                      |  |  |       |   |
|-----------|--------------------------------------|--|--|-------|---|
|           |                                      | điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản. |  |       |   |
| 2         | Phục hồi danh dự                     | 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.   | Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 ở cấp huyện | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017;</li> <li>- Nghị định số <a href="#">68/2018/NĐ-CP</a> ngày 15/5/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul> |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực chứng thực (05 TTHC)</b> |  |  |       |   |

|   |  |  |  |                        |  |
|---|--|--|--|------------------------|--|
| 1 | Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp | Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 10.000 đồng/trường hợp | <p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p> |
| 2 | Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật        | Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 10.000 đồng/trường hợp | <p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày</p>   |

|   |   |  |   |  |  |
|---|---|--|---|--|--|
|   |   | <p>yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p> |   |  | <p>03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p> |
| 3 | <p>Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản</p> | <p>Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp</p>  | <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính</p> | <p>50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch</p> | <p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản</p>                             |



|   |  |   |  |                     |  |
|---|--|---|--|---------------------|--|
|   |  | nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực  |  |                     | <p>chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p>   |
| 4 | Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản | <p>Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p> | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 50.000 đồng/văn bản | <p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p> |

|            |   |   |  |                     |  |
|------------|---|---|--|---------------------|--|
| 5          | Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản | Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 50.000 đồng/văn bản | <p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p> |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực Hộ tịch (15 TTHC)</b>                                 |   |  |                     |  |
| 01         | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài                            | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 75.000 đồng/đăng ký | - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp   |

|    |                                      |         |  |                        |   |
|----|--------------------------------------|---------|--|------------------------|---|
|    |                                      | theo    |  |                        | <p>thi hành Luật Hộ tịch.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p>  |
| 02 | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài | 15 ngày | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 1.500.000 đồng/đăng ký | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên</p> |

|    |  |  |  |                        |   |
|----|--|--|--|------------------------|---|
|    |  |  |  |                        | địa bàn tỉnh Kon Tum.   |
| 03 | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài           | <p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc</p> | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 75.000 đồng/đăng ký    | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> |
| 04 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài | 15 ngày  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 1.500.000 đồng/đăng ký | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày</p>  |

|    |  |         |  |  |  |
|----|--|---------|--|--|--|
|    |  |         |  |  | <p>29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</p> <p>Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p>  |
| 05 | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài | 15 ngày | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | <p>Đăng ký khai sinh: 75.000 đồng/đăng ký; đăng ký nhận, cha, mẹ con: 1.500.000 đồng/đăng ký</p> | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> |

|    |   |   |  |                     |   |
|----|---|---|--|---------------------|---|
| 06 | Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài          | 05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 75.000 đồng/đăng ký | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</li> <li>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</li> </ul> |
| 07 | Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài | 02 ngày làm việc  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 75.000 đồng/đăng ký | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn</li> </ul>   |

|    |  |  |  |                                 |  |
|----|--|--|--|---------------------------------|--|
|    |  |  |  |                                 | <p>về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p>   |
| 08 | Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc | <p>- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.</p> | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 28.000 đồng/thay đổi, cải chính | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> |

|    |  |         |  |                 |   |
|----|--|---------|--|-----------------|---|
| 09 | Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                  | 12 ngày | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 75.000 đồng/lần | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</li> <li>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</li> </ul> |
| 10 | Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài | 12 ngày | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 75.000 đồng/lần | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày</li> </ul>   |



|    |  |  |   |                        |  |
|----|--|--|---|------------------------|--|
|    |  |  |   |                        | <p>29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p>   |
| 11 | <p>Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh, giám hộ; nhận cha, mẹ con; xác định cha, mẹ, con nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)</p> | <p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.</p> | <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính</p> | <p>75.000 đồng/lần</p> | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> |

|    |   |  |  |                     |   |
|----|---|--|--|---------------------|---|
| 12 | Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài  | 05 ngày làm việc   | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 75.000 đồng/đăng ký | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</li> <li>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</li> </ul> |
| 13 | Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | 05 ngày làm việc;<br>trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25ngày | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 75.000 đồng/đăng ký | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn</li> </ul>   |

|    |  |  |  |                        |  |
|----|--|--|--|------------------------|--|
|    |  |  |  |                        | <p>về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p>   |
| 14 | Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày           | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 1.500.000 đồng/đăng ký | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> |
| 15 | Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài | 05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | 75.000 đồng/đăng ký    | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> |

|           |   |   |  |              |   |
|-----------|---|---|--|--------------|---|
|           | tổ nước ngoài   | hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc | UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính  | đồng/đăng ký | tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch<br><br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.<br><br>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum. |
| <b>IV</b> | <b>Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (01 TTHC)</b>  |   |  |              |   |
| 01        | Thủ tục Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải | 11 ngày làm việc                                      | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính | Không        | - Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013;<br><br>- Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.  |
| <b>V</b>  | <b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi (01 TTHC)</b>   |   |  |              |   |
| 01        | Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con  | Ngay trong ngày                                       | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc   | 75.000 đồng  | - Luật Hộ tịch 2014;  |

|  |   |   |  |   |
|--|---|---|--|---|
|  | <p>nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài</p> | <p>tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p> | <p>UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu chính</p> | <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> |
|--|---|---|--|---|

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  | <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Kon Tum về Phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum</p> |
|--|--|--|--|--|--|

**D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 37 TTHC**

| STT      | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC   | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|----------|--|--|---|----------------------|---|
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực Bồi thường Nhà nước (01 TTHC)</b>  |  |   |                      |   |
| 1        | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | <p>- Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông</p> | Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định tại Điều 33 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 ở cấp xã. | Không                | <p>- Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017;</p> <p>- Nghị định số <u>68/2018/NĐ-CP</u> ngày 15/5/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số <u>04/2018/TT-BTP</u> ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp</p> |

|  |  |   |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|
|  |  | <p>báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có thể yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung</p> |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|



|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p>hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|

|  |  |   |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|
|  |  | <p>thường.</p> <p>- Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có</p> |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p>trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường; (2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp không còn đủ dự</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p>toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường.</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|

|  |  |   |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|
|  |  | <p>Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ</p> |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p>sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|

|  |  |   |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|
|  |  | <p>phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành.</p> <p>Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Ngay sau khi có biên bản kết quả</p> |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p>thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng.</p> <p>Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|



|   |  |  |  |                                 |  |
|---|--|--|--|---------------------------------|--|
|   |  | điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.   |  |                                 |  |
| <b>II Lĩnh vực chứng thực (05 TTHC)</b> |  |  |  |                                 |  |
| 1                                       | Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở | Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch | + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;<br>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;<br>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC |

|   |  |   |  |                     |   |
|---|--|---|--|---------------------|---|
|   |  | kết quả cho người yêu cầu chứng thực  |  |                     | ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực   |
| 2 | Thủ tục chứng thực di chúc                     | Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | 50.000 đồng/di chúc | + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;<br>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;<br>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |
| 3 | Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản | Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực   | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu       | 50.000 đồng/văn bản | + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;  |

|   |  |   |  |                     |   |
|---|--|---|--|---------------------|---|
|   |  | hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực                     | chính  |                     | <p>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực</p>                                     |
| 4 | Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở | Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | 50.000 đồng/văn bản | <p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC</p> |

|            |   |  |  |                                   |   |
|------------|---|--|--|-----------------------------------|---|
|            |   | gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.   |  |                                   | ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.  |
| 5          | Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở | Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | 50.000 đồng/văn bản               | + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;<br>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;<br>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực Hộ tịch (22 TTHC)</b>   |  |  |                                   |   |
| 1          | Đăng ký khai sinh   | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết                                     | - Đối với trường hợp đăng ký khai | - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi   |

|   |                 |  |  |  |  |
|---|-----------------|--|--|--|--|
|   |                 | hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.   | quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính                              | sinh không đúng hạn: 7.000 đồng/đăng ký.<br>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.<br>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum. |
| 2 | Đăng ký kết hôn | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | Miễn lệ phí  | - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân,  |

|   |   |  |  |   |   |
|---|---|--|--|---|---|
|   |   | 05 ngày làm việc   |  |   | thành phố trực thuộc Trung ương.<br>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.  |
| 3 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con                           | 03 ngày làm việc.<br>Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | 12.000 đồng/đăng ký                                   | - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.<br>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum. |
| 4 | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con | 03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08                      | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu       | Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 7.000 đồng/đăng ký; | - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP   |

|   |                 |  |  |   |  |
|---|-----------------|--|--|---|--|
|   |                 | ngày làm việc  | chính  | đăng ký nhận cha, mẹ, con: 12.000 đồng/đăng ký  | ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.<br>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.   |
| 5 | Đăng ký khai tử | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | đăng ký khai tử không đúng hạn: 7.000 đồng/đăng ký.<br>Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.<br>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND |

|   |                            |                  |  |  |   |
|---|----------------------------|------------------|--|--|---|
|   |                            |                  |  |  | ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.  |
| 6 | Đăng ký khai sinh lưu động | 05 ngày làm việc | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 7.000 đồng/đăng ký.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</li> <li>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</li> </ul> |
| 7 | Đăng ký kết hôn lưu động   | 05 ngày làm việc | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | Không quy định   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp</li> </ul>  |



|   |                          |                  |  |  |   |
|---|--------------------------|------------------|--|--|---|
|   |                          |                  |  |  | <p>thi hành Luật Hộ tịch</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</li> <li>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</li> </ul>  |
| 8 | Đăng ký khai tử lưu động | 05 ngày làm việc | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | <p>đăng ký khai tử không đúng hạn: 7.000 đồng/đăng ký.</p> <p>Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</li> <li>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên</li> </ul> |

|    |  |  |  |   |  |
|----|--|--|--|---|--|
|    |  |  |  |   | địa bàn tỉnh Kon Tum.  |
| 9  | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | <p>Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 7.000 đồng/đăng ký.</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> |
| 10 | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới   | 03 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | Miễn lệ phí   | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày</p>   |

|    |  |   |  |                     |  |
|----|--|---|--|---------------------|--|
|    |  |   |  |                     | <p>29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p>   |
| 11 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới | 07 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm việc | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | 12.000 đồng/đăng ký | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> |

|    |  |   |   |   |  |
|----|--|---|---|---|--|
| 12 | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới | <p>Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p> | <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính</p> | <p>Đăng ký khai tử không đúng hạn: 7.000 đồng/đăng ký</p> | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> |
| 13 | Đăng ký giám hộ  | 03 ngày làm việc  | <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính</p> | Miễn lệ phí   | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng</p>   |

|    |                          |   |  |                       |  |
|----|--------------------------|---|--|-----------------------|--|
|    |                          |   |  |                       | <p>dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p>   |
| 14 | Đăng ký chấm dứt giám hộ | 02 ngày làm việc                        | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | Miễn lệ phí           | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> |
| 15 | Thay đổi, cải chính, bổ  | - 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết                                     | 12.000 đồng/thay đổi, | - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi  |

|    |                                       |  |  |                     |   |
|----|---------------------------------------|--|--|---------------------|---|
|    | sung thông tin hộ tịch                | <p>đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</p> <p>- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> | quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính                              | cải chính           | <p>tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> |
| 16 | Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | 03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày   | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | 12.000 đồng/lần cấp | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh,</p>   |

|    |  |  |  |  |  |
|----|--|--|--|--|--|
|    |  |  |  |  | <p>thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p>  |
| 17 | Đăng ký lại khai sinh                                    | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | 7.000 đồng/đăng ký                     | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> |
| 18 | Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25      | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu       | 7.000 đồng/đăng ký-<br>Miễn lệ phí cho | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP</p>   |

|    |                     |  |  |  |  |
|----|---------------------|--|--|--|--|
|    |                     | ngày   | chính  | người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.  | ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.<br>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.  |
| 19 | Đăng ký lại kết hôn | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | 24.000 đồng/đăng ký<br>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.<br>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND |



|    |  |  |  |  |  |
|----|--|--|--|--|--|
|    |  |  |  |  | ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.   |
| 20 | Đăng ký lại khai tử  | 05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính                           | 7.000 đồng/đăng ký.<br>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> |
| 21 | Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi | - UBND cấp xã (cấp giấy khai sinh): ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ<br>- Cơ quan Công an,    | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính; Công an, Bảo hiểm xã hội | Không  | <p>- Luật số 81/2006/QH11;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp</p>  |

|    |   |  |  |       |   |
|----|---|--|--|-------|---|
|    |   | <p>ơ quan Bảo hiểm xã hội: kiểm tra hồ sơ, nếu thấy đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện đăng ký thường trú (trong thời hạn 15 ngày), cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em (trong thời hạn 10 ngày).</p>   |  |       | <p>- Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 của Bộ Công an</p> <p>- Quyết định số 1018/QĐ-BHXH ngày 10/10/2014 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam</p> <p>- Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế;</p>  |
| 22 | <p>Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi</p> | <p>- Thời hạn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi tối đa không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định mà Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</p> | <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính, Bảo hiểm xã hội cấp huyện</p> | Không | <p>- Luật hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Luật số 46/2014/QH13;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp</p> <p>- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Quyết định số 1018/QĐ-BHXH ngày</p> |

|  |  |   |  |  |   |
|--|--|---|--|--|---|
|  |  | <p>phải hoàn thiện hồ sơ, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan Bảo hiểm xã hội thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với các xã cách xa trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện từ 50 km trở lên, giao thông đi lại khó khăn, chưa được kết nối Internet thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 05 ngày làm việc.</p> <p>- Căn cứ vào tình hình thực tế, các địa phương có thể quy định cụ thể thời hạn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính ngắn hơn thời</p> |  |  | <p><i>10/10/2014 của BHXH Việt Nam</i></p> <p><i>- Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế;</i></p> |
|--|--|---|--|--|---|

|           |   | hạn tối đa nêu trên   |  |  |  |
|-----------|---|---|--|--|--|
| <b>IV</b> | <b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi (04 TTHC)</b> |   |  |  |  |
| 1         | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước   | <p>Trong thời hạn 30 ngày, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến;</li> <li>- Thời gian cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước, Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao - nhận con</li> </ul> | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức thu lệ phí: 400.000đ/trường hợp.</li> <li>- Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha đẻ hoặc mẹ đẻ riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng</li> </ul> |

|   |   |   |  |   |   |
|---|---|---|--|---|---|
|   |   | nuôi: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.         |  | HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi. | đẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;<br>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam |
| 2 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | Không   | - Luật Nuôi con nuôi 2010;<br>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;<br>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;<br>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP                     |

|   |   |   |  |                           |   |
|---|---|---|--|---------------------------|---|
|   |   |   |  |                           | <p>ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam</p> |
| 3 | Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi | <p>Trong thời hạn 30 ngày, trong đó:</p> <p>- UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người có liên quan: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Những người liên quan thay đổi ý kiến</p> | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | 4.500.000 đồng/trường hợp | <p>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con</p>  |

|          |  |   |  |       |   |
|----------|--|---|--|-------|---|
|          |  | <p>đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến;</p> <p>- Sở Tư pháp có ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã;</p> <p>- Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp</p> |  |       | <p>nuôi;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam</p> |
| <b>V</b> | <b>Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật (02 TTHC)</b> |   |  |       |   |
| 01       | Thủ tục Công nhận tuyên truyền viên pháp luật          | 05 ngày làm việc  | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | Không | <p>- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;</p>  |

|           |  |                  |  |       |   |
|-----------|--|------------------|--|-------|---|
|           |  |                  |  |       | - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.  |
| 02        | Thủ tục Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật | 03 ngày làm việc | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | Không | - Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012;<br>- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;<br>- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật. |
| <b>VI</b> | <b>Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (04 TTHC)</b>       |                  |  |       |   |
| 01        | Thủ tục Công nhận hòa giải viên                  | 05 ngày làm việc | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | Không | - Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013;<br>- Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTU'MTTQVN ngày 18/11/2014 hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.  |
| 02        | Thủ tục Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải          | 05 ngày làm việc | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu       | Không | - Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013;<br>- Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT -CP -UBTU'MTTQVN ngày 18/11/2014  |



|    |  |                  |  |       |  |
|----|--|------------------|--|-------|--|
|    |  |                  | chính  |       | hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.  |
| 03 | Thủ tục Thôi làm hòa giải viên               | 05 ngày làm việc | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | Không | - Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013;<br>- Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT -CP<br>- UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014<br>hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở. |
| 04 | Thủ tục Thanh toán thù lao cho hòa giải viên | 05 ngày làm việc | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc qua đường bưu chính | Không | - Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013;<br>- Nghị định số 15/2014/NĐ -CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.                        |

**Tổng cộng: 206 TTHC: Trong đó:**

- Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết chung (Xã, huyện, tỉnh): 08 TTHC;
- Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp: 137 TTHC;
- Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện: 24 TTHC;
- Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 37 TTHC.